

Bản án số: 23/2020/DSST.

Ngày: 07/12/2020.

V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Minh Loan**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thu Hương**

Bà Nguyễn Thị Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Tiến Phúc** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Khuất Thị Mỹ Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST- DS ngày 06/10/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968. (Có mặt)

HKTT: Tổ dân phố số 6, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Y, huyện Th, Thành phố Hà Nội.

***/ Bị đơn:** **Anh Hoàng Văn T**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:**

Chị và gia đình anh T vừa là hàng xóm vừa là bạn hàng, chị thường lấy hàng (thức ăn gia súc, gia cầm) của gia đình anh T (cả mẹ anh T và anh T) về bán. Năm 2014, anh T có hỏi chị là “Chị có tiền thì cho em vay với”. Sau đó, chị có mang tiền đến cho anh T vay. Ngày 20/8/2014 dương lịch, anh T có viết giấy biên nhận nợ với chị. Số tiền gốc vay là 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là khi nào cần thì báo trước. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, tiền lãi trả vào ngày 20 hàng tháng. Anh T đã trả lãi cho chị đều mỗi tháng 2.600.000đ từ khi vay cho đến tháng 01/2019. Tháng 02/2019 thì mẹ anh T có mang

trả chị được 1.000.000đ tiền lãi. Và từ đó đến nay anh T không trả lãi nữa. Về gốc thì anh T chưa trả được đồng nào.

Chị đã đến gia đình anh T đòi nợ nhiều lần nhưng anh T có thái độ không hợp tác.

Nay chị khởi kiện đòi nợ đối với anh T, đề nghị Tòa án yêu cầu anh T phải trả cho chị số tiền gốc đã vay là 130.000.000đ, tiền lãi còn thiếu của tháng 2/2019 còn thiếu 1.600.000đ và tiền lãi từ tháng 3/2019 đến khi xét xử sơ thẩm mỗi tháng 2.600.000đ (mức 2%/tháng) và tiền lãi của lãi tính từ tháng 01/2019 đến ngày 22/5/2020 là 7.862.000đ.

*/ Anh Hoàng Văn T là bị đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H là hàng xóm. Vì gia đình anh làm doanh nghiệp nên thường có người mang tiền đến cho vay để lấy lãi. Gia đình chị H cũng vậy, chị H thường cho mẹ anh vay rồi cho anh vay.

Ngày 20/8/2014 dương lịch, chị H có mang cho anh vay số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Anh có viết giấy biên nhận vay nợ với chị H. Giấy vay nợ mà chị H xuất trình đúng là giấy anh đã viết. Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là khi nào cần thì báo trước. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Anh đã trả lãi cho chị H đều mỗi tháng 2.600.000đ vào ngày 28 hàng tháng. Anh đã trả lãi đến hết tháng 02/2019, từ tháng 3/2019 thì do anh làm ăn gặp khó khăn nên không trả được lãi nữa. Còn về tiền gốc thì anh chưa trả được đồng nào.

Nay chị H khởi kiện đòi nợ đối với anh, anh xác nhận có nợ chị H số tiền gốc là 130.000.000đ và anh có trách nhiệm trả nhưng hiện nay anh quá khó khăn nên anh xin khất. Còn về tiền lãi thì anh không chấp nhận cách tính lãi của chị H mà yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 3/2019 đến khi xét xử sơ thẩm, anh không chấp nhận việc tính lãi của lãi theo yêu cầu của chị H.

Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, các bên thống nhất việc anh T có nợ chị H số tiền gốc là 130.000.000đ theo giấy vay nợ ghi ngày 20/8/2014 dương lịch. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và tiền lãi trả hàng tháng. Anh T đã trả tiền lãi cho chị H từ khi vay đến hết tháng 02/2019.

Nội dung không thống nhất: Chị H yêu cầu anh T thanh toán ngay số tiền nợ gốc 130.000.000đ và tiền lãi theo mức đã thỏa thuận là 2%/tháng kể từ tháng 3/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm và tiền lãi của số tiền lãi phát sinh theo mức 2%/tháng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Anh T xin khất đối với số tiền gốc vì chưa có điều kiện trả và không đồng ý với yêu cầu tính lãi của chị H và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả số tiền gốc 130.000.000đ và đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý và giải quyết vụ án thẩm quyền. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị H:

Buộc anh Hoàng Văn T phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là: 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, anh Hoàng Văn T không trả hoặc trả không đủ thì anh T còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản đối với anh Hoàng Văn T, anh T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng dân sự về việc vay tiền giữa hai cá nhân nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án về tranh chấp gia đình vay tài sản là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] HĐXX xét về số tiền gốc: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T có quan hệ là hàng xóm nên ngày 20/8/2014 dương lịch, anh T có vay tiền của chị H số tiền gốc là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Anh T có viết giấy biên nhận nợ.

Vấn đề này cả hai bên đã cùng xác nhận về số tiền anh T đã vay và hiện chưa trả tiền gốc, do vậy có đủ cơ sở xác định số tiền gốc chị H cho anh T vay và chưa trả là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

[2.2].Xét yêu cầu tính tiền lãi:

Các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, anh T đã trả lãi đều hàng tháng từ khi vay đến hết tháng 02/2019.

Anh T có yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xác định thời điểm anh T vay tiền là ngày 20/8/2014, do vậy theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cần tính lãi suất theo hai giai đoạn: Giai đoạn 1 từ ngày 20/8/2014 đến 31/12/2016 (2 năm 4 tháng 11 ngày) áp dụng các quy định về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005, giai đoạn 2 từ ngày 01/01/2017 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 07/12/2020 (3 năm, 11 tháng, 07 ngày) áp dụng các quy định về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”. Như vậy, việc các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là đã vượt quá quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tại Quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010, Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, như vậy các bên đã thỏa thuận mức lãi suất vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định nên khoản tiền lãi trên không được chấp nhận, cần tính lại lãi suất theo quy định như sau: $(130.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 2 \text{ năm}) + (130.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 4 \text{ tháng}) + (130.000.000đ \times 0,0375\%/ngày \times 11 \text{ ngày}) = 41.486.000đ$.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”. Như vậy mức lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng = 24%/năm là đã vượt quá mức quy định của pháp luật. Cần tính lại lãi suất như sau:

$(130.000.000đ \times 20\%/năm \times 3 \text{ năm}) + (130.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 11 \text{ tháng}) + (130.000.000đ \times 0,055\%/ngày \times 07 \text{ ngày}) = 102.381.500đ$.

Tổng lãi hai giai đoạn tính theo quy định của pháp luật là 143.867.500đ (1)

Tính số tiền lãi mà anh T đã trả cho chị H là $2.600.000đ \times 54 \text{ tháng}$ (từ 20/8/2014 đến hết tháng 02/2019) = 140.400.000đ (2)

Đổi trừ (1) – (2) = $143.867.500đ - 140.400.000đ = 3.467.500đ$ là số tiền lãi anh T còn phải trả cho chị H.

Như vậy xác định anh T phải trả chị H số tiền gốc là: 130.000.000đ và tiền lãi còn phải trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2020) là 3.467.500đ. Tổng cộng là 133.467.500đ

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.673.000đ.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 471; 472; 473; 474; 476; 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị H.

2. Buộc anh Hoàng Văn T phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là: 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/12/2020) là 3.467.500đ (*Ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Tổng cộng là 133.467.500đ (*Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*)

3. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hoàng Văn T không trả hoặc trả không đủ thì anh T còn phải chịu tiền lãi trên số dư nợ gốc chậm trả. Mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả là 20%/năm.

4. Về án phí: Buộc anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.673.000đ (*Sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

Hoàn trả chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.577.000đ (*Bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003261 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

